

**DAIKIN**



ALL  
IN  
ONE

**VRV**

# MÁT KHÔNG GIAN SỐNG AN LÀNH



Chỉ cao  
200 mm



Thiết kế mỏng và nhỏ gọn



Lắp đặt trong trần

Loại dàn lạnh nối ống gió mỏng có thể được giấu bên trong trần nhà giúp không gian bên ngoài gọn gàng. Thích hợp cho các phòng với trần nhà thấp hoặc không gian nội thất cần giấu dàn lạnh.

**Tinh tế  
Sang trọng  
Hài hòa**



# ĐƠN GIẢN VÀ DỄ DÀNG VỚI **VRV**

## Lắp đặt tightfit dễ dàng và nhanh chóng

Hàn ống truyền thống đòi hỏi nhiều thiết bị công kênh như bình gas và dụng cụ hàn cần có người lắp đặt chuyên nghiệp để vận hành, khiến việc lắp đặt trở nên khó khăn. Tightfit xác định lại tính dễ dàng của việc lắp đặt bằng cách loại bỏ các yêu cầu này và chỉ sử dụng 2 cỡ lê để thực hiện việc lắp đặt không gì sánh bằng.

Hàn truyền thống



- ★ Bình khí axetylen
- ★ Bình khí oxy
- ★ Bình khí nitơ
- ★ Đèn hàn
- ★ Bộ điều chỉnh áp suất
- ★ Ống dẫn khí hàn
- ★ Que hàn

Lắp đặt **Tightfit** mới



- ★ Thước đo Tightfit
- ★ 2 cỡ lê điều chỉnh

## Lắp đặt giấu trần nổi ống gió dễ dàng

"Chức năng tự động điều chỉnh lưu lượng gió" lắp đặt tại công trình



Thiết kế



Lắp đặt



Cài đặt công trình\*

\*Đối với những công trình sử dụng thiết bị có "Chức năng tự động điều chỉnh lưu lượng gió"  
Lưu ý: chức năng này chỉ có thể được thiết lập thông qua bộ điều khiển từ xa có dây

## Chức năng tự động nạp môi chất lạnh

. Tối ưu hóa hiệu suất vận hành: Chức năng này ngăn ngừa tình trạng thiếu hụt công suất hoặc mất năng lượng do môi chất làm lạnh quá nhiều hoặc không đủ

. Chất lượng cao và dễ dàng lắp đặt hơn: Chức năng sẽ tự động nạp lượng môi chất lạnh thích hợp và khởi động dễ dàng bằng 1 nút nhấn



Tính toán lượng môi chất lạnh cần thiết từ bản vẽ thiết kế



Khởi động chức năng tự động nạp môi chất lạnh

## Stylish remote controller dành cho VRV được cài đặt dễ dàng qua bluetooth và điện thoại thông minh

Đảm bảo nhiệt độ phòng thoải mái  
Tiết kiệm thời gian lắp đặt



ALL  
IN  
ONE



CĂN HỘ



NHÀ PHỐ



NHÀ ĐƠN LẬP

# Không Gian Căn Hộ

3 phòng ngủ ( 100m<sup>2</sup> )



# DANH SÁCH SẢN PHẨM

|          |                |                | HAI CHIỀU LẠNH/SỬỞI |                        |                        |                        |                        |                        |                        | MỘT CHIỀU LẠNH         |                        |                        |                        |                        |                        |
|----------|----------------|----------------|---------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|          |                |                | Sản phẩm            | COMBO HP 1             | COMBO HP 2             | COMBO HP 3             | COMBO HP 4             | COMBO HP 5             | COMBO HP 6             | COMBO CO 1             | COMBO CO 2             | COMBO CO 3             | COMBO CO 4             | COMBO CO 5             | COMBO CO 6             |
| Thiết bị | Diện tích (m²) | Công suất (kW) | Model               | 4 HP<br>Tối đa 4 phòng | 5 HP<br>Tối đa 5 phòng | 6 HP<br>Tối đa 5 phòng | 7 HP<br>Tối đa 6 phòng | 8 HP<br>Tối đa 6 phòng | 9 HP<br>Tối đa 7 phòng | 4 HP<br>Tối đa 4 phòng | 5 HP<br>Tối đa 5 phòng | 6 HP<br>Tối đa 5 phòng | 7 HP<br>Tối đa 6 phòng | 8 HP<br>Tối đa 6 phòng | 9 HP<br>Tối đa 7 phòng |
| Dàn Nóng | 50~60          | 11.2           | RSUY04AVM           | 1                      |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |
|          | 60~80          | 14             | RSUY05AVM           |                        | 1                      |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |
|          | 80~100         | 16             | RSUY06AVM           |                        |                        | 1                      |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |
|          | 100~130        | 20             | RSUY07AVM           |                        |                        |                        | 1                      |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |
|          | 130~160        | 22.4           | RSUY08AVM           |                        |                        |                        |                        | 1                      |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |
|          | 160~190        | 24             | RXYM09AY1           |                        |                        |                        |                        |                        | 1                      |                        |                        |                        |                        |                        |                        |
|          | 50~60          | 11.2           | RSU04AVM            |                        |                        |                        |                        |                        |                        | 1                      |                        |                        |                        |                        |                        |
|          | 60~80          | 14             | RSU05AVM            |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        | 1                      |                        |                        |                        |                        |
|          | 80~100         | 16             | RSU06AVM            |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        | 1                      |                        |                        |                        |
|          | 100~130        | 20             | RSU07AVM            |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        | 1                      |                        |                        |
|          | 130~160        | 22.4           | RSU08AVM            |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        | 1                      |                        |
|          | 160~190        | 24             | RSU09AVM            |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        | 1                      |
| Dàn Lạnh | 14             | 2.8            | FXD025PDVE          |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |
|          | 17.5           | 3.6            | FXD032PDVE          |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |
|          | 22             | 4.5            | FXD040NDVE          | Không hỗ trợ           |                        |                        |                        |                        |                        | Không hỗ trợ           |                        |                        |                        |                        |                        |
|          | 11             | 2.2            | FXS020PVE           |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |
|          | 14             | 2.8            | FXS025PAVE9         |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |
|          | 17.5           | 3.6            | FXS032PAVE9         | Tối đa 4 dàn lạnh      | Tối đa 5 dàn lạnh      | Tối đa 5 dàn lạnh      | Tối đa 6 dàn lạnh      | Tối đa 6 dàn lạnh      | Tối đa 7 dàn lạnh      | Tối đa 4 dàn lạnh      | Tối đa 5 dàn lạnh      | Tối đa 5 dàn lạnh      | Tối đa 6 dàn lạnh      | Tối đa 6 dàn lạnh      | Tối đa 7 dàn lạnh      |
|          | 22             | 4.5            | FXS040PAVE9         |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |
|          | 27             | 5.6            | FXS050PAVE9         |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |
|          | 28             | 7.1            | FXS063PAVE9         |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |
|          | 36             | 9              | FXS080PAVE9         |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |
|          | 45             | 11.2           | FXS0100PAVE9        | Không hỗ trợ           |                        |                        |                        |                        |                        | Không hỗ trợ           |                        |                        |                        |                        |                        |
|          | 56             | 14             | FXS0125PAVE9        | Không hỗ trợ           | Không hỗ trợ           |                        |                        |                        |                        | Không hỗ trợ           | Không hỗ trợ           |                        |                        |                        |                        |

# DANH SÁCH SẢN PHẨM

|                                 |                       |                            | HAI CHIỀU LẠNH/SUỐI                                                                      |                                                          |                        |                        |                        |                        | MỘT CHIỀU LẠNH         |                        |                        |                        |                        |                        |                        |
|---------------------------------|-----------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|                                 |                       |                            | Sản phẩm                                                                                 | COMBO HP 1                                               | COMBO HP 2             | COMBO HP 3             | COMBO HP 4             | COMBO HP 5             | COMBO HP 6             | COMBO CO 1             | COMBO CO 2             | COMBO CO 3             | COMBO CO 4             | COMBO CO 5             | COMBO CO 6             |
| Thiết bị                        | Diện tích (m²)        | Công suất (kW)             | Model                                                                                    | 4 HP<br>Tối đa 4 phòng                                   | 5 HP<br>Tối đa 5 phòng | 6 HP<br>Tối đa 5 phòng | 7 HP<br>Tối đa 6 phòng | 8 HP<br>Tối đa 6 phòng | 9 HP<br>Tối đa 7 phòng | 4 HP<br>Tối đa 4 phòng | 5 HP<br>Tối đa 5 phòng | 6 HP<br>Tối đa 5 phòng | 7 HP<br>Tối đa 6 phòng | 8 HP<br>Tối đa 6 phòng | 9 HP<br>Tối đa 7 phòng |
| Bộ chia chỉ được chọn 1 trong 2 | Bộ chia gas không hàn | BHRG26A33T8                | Trong trường hợp sử dụng Refnet thì số lượng Refnet ít hơn số lượng dàn lạnh một đơn vị. |                                                          |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |
|                                 | Bộ chia gas có hàn    | KHRP26A22T8<br>KHRP26A33T8 |                                                                                          |                                                          |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |
|                                 | Header pack           | BHF6RHP6Z                  | Tối đa 1 bộ                                                                              | Tối đa 1 bộ                                              | Tối đa 1 bộ            | Không hỗ trợ           |                        |                        | Tối đa 1 bộ            | Tối đa 1 bộ            | Tối đa 1 bộ            | Không hỗ trợ           |                        |                        |                        |
|                                 |                       | BHF8RHP6Z                  | Không hỗ trợ                                                                             |                                                          |                        | Tối đa 1 bộ            | Tối đa 1 bộ            | Tối đa 1 bộ            | Không hỗ trợ           |                        |                        | Tối đa 1 bộ            | Tối đa 1 bộ            | Tối đa 1 bộ            |                        |
| Tightfit                        |                       |                            | SDGTB1512/SDGTC1512                                                                      | Tối đa 25 tightfit                                       | Tối đa 30 tightfit     | Tối đa 30 tightfit     | Tối đa 35 tightfit     | Tối đa 35 tightfit     | Tối đa 40 tightfit     | Tối đa 25 tightfit     | Tối đa 30 tightfit     | Tối đa 30 tightfit     | Tối đa 35 tightfit     | Tối đa 35 tightfit     | Tối đa 40 tightfit     |
|                                 |                       |                            | SDGTB06/SDGTC06                                                                          |                                                          |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |
|                                 |                       |                            | SDGTB09/SDGTC09                                                                          |                                                          |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |
|                                 |                       |                            | SDGTB12/SDGTC12                                                                          |                                                          |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |
|                                 |                       |                            | SDGTB15/SDGTC15                                                                          |                                                          |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |
|                                 |                       |                            | SDGTB19                                                                                  | Không hỗ trợ                                             |                        |                        | Không hỗ trợ           |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |
|                                 |                       |                            | SDGTB22                                                                                  | Không hỗ trợ                                             |                        |                        |                        |                        |                        | Không hỗ trợ           |                        |                        |                        |                        |                        |
| Stylish remote control          |                       |                            | BRC1H62K                                                                                 | Số lượng điều khiển từ xa tối đa bằng số lượng dàn lạnh. |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |
|                                 |                       |                            | BRC1H62W                                                                                 |                                                          |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |
|                                 |                       |                            | BRC1H63K                                                                                 |                                                          |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |
|                                 |                       |                            | BRC1H63W                                                                                 |                                                          |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |

LƯU Ý: "Đảm bảo bao gồm những sản phẩm sau trong báo giá ALL IN ONE."

- Dàn nóng
- Dàn lạnh
- Điều khiển từ xa stylish remote control
- Bộ chia ga không hàn hoặc Headerpack hoặc bộ chia ga có hàn
- Bộ khớp nối ống đồng không hàn (Tightfit) nếu sử dụng bộ chia ga không hàn

Trong trường hợp sử dụng Tightfit thì số lượng Tightfit tối thiểu bằng: Số lượng dàn nóng x 3 + Số lượng dàn lạnh x 2

\*Chiều dài của ống dẫn môi chất lạnh giữa mỗi điểm đầu nối là 15m trở xuống đối với ống đồng dạng cuộn và 3m trở xuống đối với ống đồng dạng thanh. Nếu chiều dài ống đồng dài hơn thì cần phải lắp thêm tightfit.

\*\*Loại tightfit được chọn với điều kiện ống môi chất lạnh uốn cong.

Cần có thêm tightfit khi sử dụng co/cút. Trong những trường hợp này, vui lòng liên hệ Daikin để được tư vấn thêm.

# Giải Pháp Nâng Cao

## Thiết bị thông gió thu hồi nhiệt - VAM



### Cải thiện chất lượng môi trường bên trong (IEQ)

Bằng cách kiểm soát các yếu tố cần thiết sẽ cải thiện chất lượng thông gió và mang đến không khí trong lành, tươi mát cho ngôi nhà bạn.



### Kết nối với bộ cảm biến CO<sub>2</sub> tùy chọn

Cảm biến CO<sub>2</sub> điều khiển lưu lượng gió để phù hợp nhất với sự thay đổi của mức CO<sub>2</sub>.  
Giúp ngăn chặn tổn thất năng lượng từ việc thông gió quá mức trong khi vẫn duy trì chất lượng không khí trong phòng



### Chức năng thu hồi nhiệt/tiết kiệm năng lượng

Hệ thống điều hòa không khí và hệ thống thông gió có thể được điều khiển liên động giúp mang lại sự thoải mái và tiết kiệm năng lượng



## Giải pháp hoàn hảo cho nhà thông minh - ReiriHome

Giải pháp nhà thông minh hoàn chỉnh cho mọi chủ nhà, với khả năng tích hợp cho phép điều khiển hầu hết mọi thiết bị thông minh một cách dễ dàng và thuận tiện

Quản lý năng lượng và quản lý IAQ (chất lượng không khí trong nhà)

Điều khiển các thiết bị điều hòa không khí và kiểm soát hoàn toàn tất cả các thiết bị được kết nối bằng điện thoại thông minh

Giao diện ứng dụng thân thiện với người dùng, dễ dàng lắp đặt và tùy chỉnh, cho phép kích hoạt bằng Google Home

Giải pháp bảo mật cho nhà, tuân thủ tiêu chuẩn an ninh mạng (EN303645)



Cảm biến



Phích thông minh



Camera



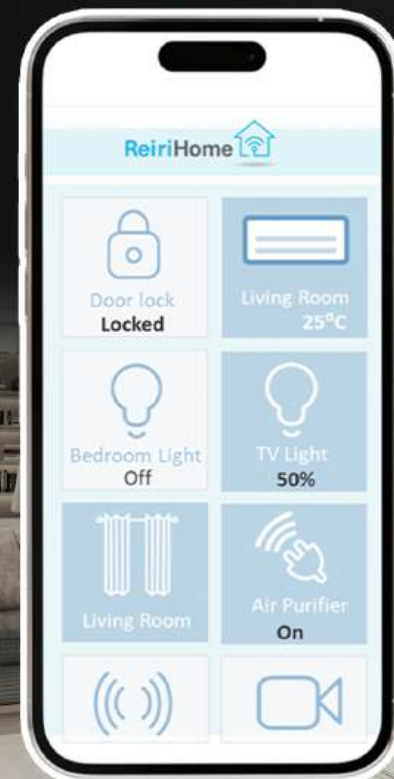
Rèm cửa thông minh



Khóa cửa thông minh



Đèn





#### Cảnh báo



- Hãy yêu cầu một nhà thầu hay người lắp đặt có chuyên môn lắp đặt thiết bị này. Không cố tự lắp đặt thiết bị vì lắp đặt không đúng cách có thể dẫn đến rò rỉ nước, chất làm lạnh, gây chập điện hay cháy nổ.
- Chỉ sử dụng linh kiện hay phụ tùng thay thế do Daikin chỉ dẫn hoặc cung cấp. Hãy yêu cầu một nhà thầu hoặc người lắp đặt có chuyên môn lắp đặt các linh kiện, phụ tùng thay thế. Sử dụng các linh kiện hay phụ tùng thay thế không được phép hay lắp đặt không đúng cách có thể dẫn đến rò rỉ nước, chất làm lạnh, gây chập điện hay cháy nổ.
- Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Sách hướng dẫn sử dụng có cung cấp các hướng dẫn an toàn và cảnh báo quan trọng. Phải tuyệt đối tuân thủ theo những chỉ dẫn này.

#### Thông báo



- Đây là thiết bị biến tần nên có thể sinh ra sóng hài. Nếu pháp luật sở tại yêu cầu cần triệt tiêu sóng hài tại công trình, vui lòng phối hợp với đơn vị thiết kế điện để thực hiện các biện pháp triệt tiêu sóng hài. Liên hệ với nhà cung cấp địa phương để có thêm chi tiết.
- Liên hệ với nhà nhập khẩu, nhà phân phối và/hoặc nhà bán lẻ tại địa phương khi có yêu cầu..

#### Lưu ý về sự ăn mòn sản phẩm

1. Không nên lắp đặt máy điều hòa không khí tại những nơi sinh ra khí ăn mòn như khí axit hoặc kiềm.
2. Nếu dàn nóng được lắp gần bờ biển, nên tránh vị trí đón gió biển trực tiếp. Nếu bạn muốn lắp dàn nóng gần bờ biển, hãy liên hệ với nhà phân phối tại địa phương.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DAIKIN AIR CONDITIONING (VIETNAM)

### VĂN PHÒNG CHÍNH

10 Công Trường Quốc Tế, P. Võ Thị Sáu, Q.3, TP. Hồ Chí Minh, Tel: (028) 62 504 888

DỊCH VỤ SAU BÁN HÀNG

**HOTLINE**  
**1800 6777**  
**1800 1577**

[www.daikin.com.vn](http://www.daikin.com.vn)

#### CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 12, tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh  
P. Phương Mai Q. Đống Đa, Hà Nội  
Tel: (024) 3565 7677

#### CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Tầng 12, tòa nhà PVComBank, Số 02, Đường 30/4,  
P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng  
Tel: (0236) 362 4250

#### CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Số 7 Lô 8A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê,  
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng  
Tel: (0225) 383 2900

#### CHI NHÁNH KHÁNH HÒA

Tầng 8, Tòa nhà VCN Tower, Số 2 Tố Hữu,  
Khu đô thị VCN, P. Phước Hải, TP. Nha Trang  
Tel: (0258) 625 8158

#### CHI NHÁNH NGHỆ AN

Tầng 2, Tòa nhà Golden City,  
25 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Quang Trung, TP. Vinh  
Tel: (0238) 872 7785

#### CHI NHÁNH CẦN THƠ

37-38 Võ Nguyên Giáp, Khu dân cư Phú An,  
P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ  
Tel: (0292) 626 9977

#### TT DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG HÀ NỘI

Lô 01-8B, Cụm Tiểu Thủ Công Nghiệp Hai Bà Trưng,  
Q. Hoàng Mai, Hà Nội

#### TT DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG TP.HCM

10 Công Trường Quốc Tế, P. Võ Thị Sáu, Q. 3, TP. HCM  
103 Nguyễn Sơn, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, TP. HCM

VRV là thương hiệu của Daikin Industries, Ltd.

Hệ thống điều hòa không khí VRV là hệ thống điều hòa không khí độc lập đầu tiên trên thế giới với khả năng kiểm soát lưu lượng môi chất lạnh thay đổi và được Daikin thương mại hóa vào năm 1982.

VRV là thương hiệu của Daikin Industries, Ltd., bắt nguồn từ công nghệ mà chúng tôi gọi là "thể tích môi chất lạnh thay đổi".

Thông số kỹ thuật, thiết kế và các nội dung khác xuất hiện trong tập tài liệu này phát hành kể từ tháng 09 năm 2023 nhưng có thể thay đổi mà không cần báo trước.

**PCVVN2306A**